

1. Diệp Quang Ban (2006), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

2. Nguyễn Trọng Bình, *Đặc trưng ngôn ngữ truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư*, www.viet-studies.info/NNTu.

3. Hoàng Thị Châu (1989), *Tiếng Việt trên các miền đất nước (Phương ngữ học)*, Nxb KHXH

4. Hoàng Cao Cương (2000), *Sự phát triển ngôn ngữ và ngôn ngữ đã phát triển: trường hợp Việt Nam*, Ngôn ngữ, số 1.

5. Hoàng Cao Cương (2007), *Cơ sở kết nối lời tiếng Việt*, Ngôn ngữ, số 8 và 9.

6. Nguyễn Thiện Giáp (2009), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

7. Phạm Văn Hảo (1998), *Hiệu quả việc sử dụng từ địa phương*, Ngôn ngữ và Đời sống, số 3.

DIỄN ĐÀN VÀ KHUYẾN NGHỊ

8. Trần Thị Ngọc Lang (2011), *Phương ngữ Nam Bộ trong tác phẩm Đồng bằng sông Cửu Long*, Từ điển học và Bách khoa thư, số 4.

9. Huỳnh Công Tín (2007), *Từ điển từ ngữ Nam Bộ*, Nxb KHXH.

10. Cù Đình Tú (2001), *Phương cách học và đặc điểm từ từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

Thư mục nguồn trích dẫn

1. Nguyễn Ngọc Tư (2003), *Giao thừa*, Nxb Trẻ.

2. Nguyễn Ngọc Tư (2008), *Cánh đồng bất tận*, Nxb Trẻ.

3. Nguyễn Ngọc Tư (2010), *Khói trời lộng lẫy*, Saigon Media & Nxb Thời đại.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 26-03-2012)

TRUYỆN KIỀU SỐNG GIỮA MỌI NGƯỜI

NGUYỄN TRƯỜNG LỊCH
(PGS, TS ĐHKHXH & NV, ĐHQGHN)

LTS: Ngày 3/11/2011, tại Hà Nội, theo quyết định của Bộ Nội vụ, đã diễn ra đại hội thành lập Hội những người yêu thích Truyện Kiều được gọi là **Hội Kiều học** (3-11-2011). Số thành viên có mặt tham dự là 216/351 hội viên. Đại hội đã bầu Ban chấp hành gồm 25 người, do PGS. Nguyễn Văn Hoàn làm chủ tịch Hội.

Chuyện rằng trong dân gian Nghệ Tĩnh từ cuối thế kỷ XIX, sau các lũy tre làng vào những đêm trăng sáng thường diễn ra nhiều cuộc hát ví dặm của thanh niên nam nữ giữa hai làng; có khi là giữa hai huyện cách nhau một con sông nhỏ, hoặc cách nhau mấy quả đồi nhấp nhô của dãy núi Thiên Nhẫn phân đôi hai tỉnh.

Người viết bài này, vào năm 1944, tuy đang học Tiểu học, nhưng đã được đi xem một buổi hát ví tại xã Hương Thủy, giữa nữ thanh niên địa phương và một số thanh niên-lính khổ xanh đóng quân ở đồn Chu Lễ, huyện lỵ Hương Khê.

Bài này chỉ khoan vùng trong phạm vi những câu hát đồ dân gian bắt nguồn từ *Truyện Kiều* qua lời kể của lớp người đã khuất cùng các giai thoại hàng ngày. Thường là sau những câu chào hỏi mở đầu buổi hát, phe bên nữ cất lên câu đồ đậm nét văn thơ. Một cô gái có giọng cao vút, bỗng hát lên:

Truyện Kiều anh thuộc lâu lâu / Đố anh kể được hai câu vẹn tròn?

Câu đồ quá khó, vượt ra ngoài tầm hiểu biết của đông đảo trai làng? Phải có các sinh đồ trẻ, khá lanh lợi, “thâm nho”, ngồi gà phía sau; nếu không kịp thời đáp lại là thua cuộc, chịu bẽ mặt trước phái nữ. Sau mấy phút bàn tán xì xào, phe con trai bèn cử người cất tiếng đáp lại rõ ràng:

Trăm năm trong cõi người ta / Mua vui cũng được một vài trống canh.

Tiếng vỗ tay chúc mừng, nhưng câu hỏi lại tiếp tục đổ dồn khó khăn hơn:

- Truyện Kiều anh thuộc lâu lâu / Đố anh biết được câu nào toàn chữ Nôm?

Ồi trời ơi! Khó quá! Làm sao trả lời? Hơn ba ngàn câu thơ, ai mà thuộc được? Thật ra trong *Truyện Kiều* có khá nhiều câu lục bát được viết toàn chữ Nôm, chẳng hạn:

+ Sẻ sẻ nắm đất bên đàng, / Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh

+ Chén đưa nhớ bữa hôm nay / Chén mừng xin đợi ngày này năm sau.

+ *Làm cho cho một cho mê, / Làm cho đau đớn ê chề cho coi.*

+ *Tha ra thì cũng may đời, / Làm ra thì cũng ra người nhỏ nhen.*

+ *Lo gì việc ấy mà lo, / Kiến trong miệng chén có bò đi đâu.*

Cũng có thể kể nhiều câu toàn Nôm nữa, nhưng có lẽ “Nôm nhất” vẫn là hai câu sau đây của một chàng trai hay chữ, giỏi giang trong vùng phát hiện ra:

Này chồng, này mẹ, này cha, / Này là em ruột, này là em dâu (?)

Nhìn ở góc độ từ ngữ cũng như kết cấu hình tượng, âm vận, nhịp điệu thì đây là câu văn xuôi giản dị, đời thường, nhằm biểu hiện nỗi bàng hoàng, “*nghe tin ngỡ ngác rụng rời, / Xúm quanh kẻ nọ, rộn lời hỏi tra*”. Quả vậy, nào ngờ Giác Duyên đưa tin cho biết nàng Kiều còn sống ở “*thảo am đó cũng gần kề, chẳng xa*”.

Cách nói liệt kê chân thật, chẳng chút màu mè, rằng cả nhà đông đủ vừa tui, vừa mừng, nhón nhác về việc Thúy Kiều xuất hiện, chứ không phải đã chết? Thế là sau 15 năm lưu lạc, bao người tưởng nàng đã khuất xa không bao giờ trở lại.

Bỗng “*nghe tin nở mặt, nở mày, / Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng*”?

Cảnh tượng thật là cảm động!

Nét sáng tạo quý giá nhất là ở chỗ, nhà thơ đã đưa tiếng mẹ đẻ vào *văn chương thành văn* rất tự nhiên, góp phần làm giàu cho **ngôn ngữ thi ca tiếng Việt** ở cuối thế kỉ XVIII. Đó là một đóng góp vô cùng quan trọng đáng khâm phục, không dễ gì có được giữa lúc chữ Hán đang ngự trị, thậm chí cả trong lời khẩn cúng cơm trước bàn thờ tổ tiên, ông bà... đã khuất cũng khẩn bằng chữ Hán, dù khi họ chưa hề học chữ nào! Đến tận ngày nay, thế kỉ XXI vẫn rất nhiều người khẩn trước các bàn thờ đền, chùa, miếu, phủ và gia đình bằng chữ Hán!?...

Không dừng lại, phe nữ vẫn chưa buông tha các chàng trai, mà vẫn thách đố tiếp:

- *Truyện Kiều anh thuộc lâu lâu, / Đố anh biết được câu nào toàn chữ nho?*

Khó vô cùng! Sao mà ác thế? Làm sao trả lời được! Bọn con trai ngỡ ngác gần như chịu đầu hàng. Bỗng có chàng trai reo lên, rồi vội cất cao tiếng hát:

+ *Hồ công (Hồ Tôn Hiến) quyết kế thừa cơ, / Lễ tiên, bình hậu, khắc cờ tập công.*

Nếu ai đó chịu khó mở *Truyện Kiều* tra tìm từng câu, từng chữ, đọc thật kĩ cũng khó mà tìm ra câu nào toàn chữ Nho hơn thế!

Mặt khác, bàn tới *Truyện Kiều* không thể không nói đến chuyện *Bói Kiều*. Chẳng biết tự bao giờ *Bói Kiều* đã trở thành tập quán từng ăn sâu vào đời sống thường ngày của nhân dân, không chỉ tại đất Lam Hồng, mà còn khá phổ biến ở nhiều nơi trên cả nước. Từ lâu lắm rồi, vào năm 1898, trong bài *Tựa* viết cho bản *Kiều Oánh Mậu* (in năm 1902), Hoàng giáp Đào Nguyên Phổ đã nêu lên câu hỏi tha thiết: “*Ôi, sao mà lại có văn hay làm say người đến thế! Còn một điều lấy làm lạ nữa là người đời dùng để bói, thì thấy ứng nghiệm như thần!*”.

Ở Hà Tĩnh quê tôi, trước tháng Tám 1945, nhiều gia đình thường có *Truyện Kiều* để trên yên thư (giá sách) ngay gian giữa nhà; ai muốn bói phải gấp cuốn sách lại, rồi lẩm nhẩm đọc lời khấn (nếu không biết chữ, có thể nhờ bói hộ):

“*Lạy vua Từ Hải, lạy vãi Giác Duyên, lạy Tiên Thúy Kiều... Hôm nay là ngày... Con tên là... xin bói một quẻ về đường tình duyên, tài lộc, con cái, . v.v... Con xin bốn câu, trang bên trái, hoặc bên phải... Bói xong rồi, có thể có vài người ngồi cạnh cùng giải thơ Kiều, đoán xem mức độ linh ứng...*”

Cách đây mấy năm, trong khu tập thể đại học Tổng hợp, tôi từng chứng kiến GS.Toán học P.H khá hiền lành, cứ mỗi sáng đi làm đều tạt qua căn phòng GS sử học Phan Đại Doãn cùng tầng ba, cầm *Truyện Kiều* trên giá sách bói một quẻ, rồi vừa đi vừa lẩm nhẩm. Tôi không dám hỏi về hiệu quả ứng nghiệm đến đâu với ông, song cái chính là ông rất chân thành!

Hơn nữa, *Truyện Kiều* còn được Bác Hồ của chúng ta thường hay “*lấy Kiều*” trong trò chuyện đời thường và cả trong ngôn ngữ hành chính. Xa quê Kim Liên 50 năm, lúc về thăm quê, Bác đã đọc hai câu Kiều:

- *Quê hương nghĩa nặng tình sâu / Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình!*

Đặc biệt, trong diễn văn đón tiếp Tổng thống nước Cộng hòa Ghinê **Xêcu Turê** tại sân bay Gia Lâm ngày 15/9/1960, Bác Hồ đã nói:

Đến bây giờ mới thấy đây, / Mà lòng đã chắc những ngày thanh niên.

Kết thúc bản **Di chúc** cuối đời đầy tâm huyết, Bác cũng lấy lại câu Kiều tràn đầy ý nghĩa::

Còn non, còn nước, còn người, /Thắng giặc Mĩ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay.

Mỗi lần nhắc lại câu thơ trên, người đọc có thể liên tưởng đến hai câu Kiều:

Còn non, còn nước, còn dài, / Còn về còn nhớ đến người hôm nay.

Không chỉ dừng lại ở địa hạt văn thơ, *Truyện Kiều* còn được khẳng định giá trị trong quan hệ rộng rãi về văn hóa, vượt ra ngoài ranh giới dân tộc, cho nên tổ chức UNESCO đã tôn vinh: *Nguyễn Du – danh nhân văn hóa nhân loại* (1965).

Nổi bật hơn, *Truyện Kiều* còn tỏa sáng giữa đời sống ngoại giao hiện đại. Chúng có là năm 2000, Tổng thống Hoa Kỳ B. Clinton trong đáp từ chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam tại Hà Nội đã “vận Kiều” khá tế nhị:

“Nhân dân Hoa Kỳ vui mừng vì đã đến lúc chúng ta có thể trở thành đối tác. Như trong *Truyện Kiều* đã nói:

- *Sen tàn cúc lại nở hoa, / Sầu dài ngày ngắn, đông đà sang xuân*

Nay kỷ ước bằng giá về quá khứ đã bắt đầu tan. Những phách thảo của một tương lai ảm áp chung đã bắt đầu hình thành. Cùng nhau chúng ta hãy tận hưởng mùa xuân ảm áp này” (báo Nhân Dân 18-11-2000).

Đáng chú ý là trước đó 30 năm, sau cuộc *Tổng tấn công và nổi dậy Mậu Thân* (1968) phía Hoa Kỳ có tìm thấy cuốn *Truyện Kiều* cũ kỹ, nhàu nát trong túi áo của một tử thi - chiến sĩ giải phóng quân trẻ ra trận; thế là tạp chí *Washingtonian* số tháng 4 của Mĩ đã đăng bài viết hai trang về *Truyện Kiều* với nhan đề hấp dẫn: “*Một tài liệu li kì vừa bắt được tiết lộ tình thân của địch*”, kèm bức minh họa ảnh Tổng thống Johnson, với lời chú thích:

“*Giá như Tổng thống Johnson đã đọc *Truyện Kiều* thì chắc đã không phải lâm vào tình trạng rắc rối như ngày nay*” (1).

Hơn 40 năm đã trôi qua, song xem lại lời bình giản dị ấy, người đọc vẫn cảm thấy hợp lí và khoa học. Bởi lẽ dân tộc Việt đã có một nền văn hóa lâu đời hàng ngàn năm đủ sức chống trả trước mọi thế lực phi nghĩa.

Trên đất Pháp, người ta không chỉ dễ dàng tìm đọc nhiều *bản Kiều* đã được dịch ra tiếng Pháp, mà còn thấy trong cuốn *Từ điển các tác phẩm của mọi thời đại và mọi xứ sở* (*Dictionnaire des oeuvres de tous les temps et de tous les pays* - Société d'édition

de dictionnaires et encyclopédie-Paris-1953), *Truyện Kiều* được giới thiệu trân trọng và chi tiết:

“*Dựa theo cốt truyện của một tiểu thuyết Trung Hoa, nhưng với thiên tài nghệ thuật kì diệu và ngôn từ xuất chúng, Nguyễn Du đã biến cải hoàn toàn tác phẩm gốc và tái tạo một tác phẩm khác với một tinh thần mới, một bản sắc riêng... Ở thời kì, mà người Việt đang thoát dần ra khỏi sự lệ thuộc về văn tự viết bằng chữ Hán để trở về với tiếng mẹ đẻ thì công lao vĩ đại của Nguyễn Du là ông đã biết phát huy nghệ thuật chỉ riêng ông có, khiến cho ngôn ngữ dân tộc đã phong phú giàu chất nhạc, được nâng lên tới đỉnh của nghệ thuật, mà trước đó và cả đến hôm nay, chưa có tác giả nào vươn tới được*” (2).

Năm 1966, tại khu sơ tán Thái Nguyên, giáo sư Hoàng Xuân Nhị đã hoàn thành vở kịch mang tên *Kiều*. Tuy đang ở thời chiến, nhưng cũng vào năm ấy, lớp sinh viên văn khóa Tám đã công diễn vở *Kiều*, do Hoàng Chương làm đạo diễn.

Gần nhất, năm 2010, tại thành phố Hồ Chí Minh, nữ đạo diễn Hoa Hạ đã dựng vở cải lương *Thúy Kiều*, được công diễn suốt bốn giờ liền tại nhà hát Trần Hữu Trang. Và nhạc sĩ Phạm Duy cũng từng dành nhiều công sức viết bản nhạc dang dở về *Truyện Kiều*.

Và bây giờ đây, ngày 3 tháng 11 năm 2011, *Hội Kiều học - Hội của những người yêu thích Truyện Kiều* - đã được thành lập tại Hà Nội, bước đầu đã có trên 300 hội viên từ Nam chí Bắc cùng một số Việt kiều và cả người nước ngoài cũng tình nguyện gia nhập Hội. Điều đó chứng tỏ sức sống dài lâu của truyện thơ bất hủ này trong lòng nhân dân.

1+2, dẫn theo Phan Tử Phùng - *Kiều học*-NXB Thanh Hóa. 2011-tr.10- 21.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 28-02-2012)

DIỆP QUANG BAN VÀ CÂU TỒN TẠI

(tiếp theo trang 48)

- (a) Tranh treo rồi.
- (b) Bức tranh treo trên tường.
- (c) Trên tường treo bức tranh.

Câu (a) nói rằng động tác “treo” đã được thực hiện và trạng thái “treo” đã hình thành đối với bức tranh. Câu (b) cho biết bức tranh đang *nhận* cái trạng thái “treo” làm đặc trưng của mình. Câu (c) mang rõ ý nghĩa về trạng thái tồn tại của bức tranh ở một vị trí không gian và